

THÔNG BÁO DANH SÁCH NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN QUÝ 1/2018
(Thu nhập từ tiền công, tiền thù lao của cá nhân có ký hợp đồng lao động BC + HĐQTC)

STT	HỌ TÊN		ĐƠN VỊ	Tổng thu nhập chịu thuế/Quý	Các khoản giảm trừ/ Quý			Thu nhập tính thuế/quý	Số thuế phải nộp/quý	Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q1/2018	Số thuế chênh lệch		Ký Nộp
					Bản thân	Người phụ thuộc	Trừ bảo hiểm bắt buộc				Phải nộp thêm	Được thoái trả	
1	Nguyễn Văn	Minh	Khoa CNTT	43,473,300	27,000,000		1,554,054	14,919,246	745,962		745,962	-	
2	Nguyễn Văn	Giang	Khoa CNTT	70,729,700	27,000,000	10,800,000	3,146,394	29,783,306	2,228,331		2,228,331	-	
3	Nguyễn	Khoa	Khoa CNTT	64,775,860	27,000,000	10,800,000	2,043,816	24,932,044	1,743,204		1,743,204	-	
4	Nguyễn Sanh	Cường	Khoa CNTT	42,571,620	27,000,000	-	1,486,362	14,085,258	704,262		704,262	-	
5	Nguyễn Văn	Danh	Khoa CNTT	57,939,500	27,000,000	10,800,000	1,302,210	18,837,290	1,133,730		1,133,730	-	
6	Nguyễn Duy	Đạt	Khoa CNTT	33,273,630	27,000,000	-	728,910	5,544,720	277,236		277,236	-	
7	Nguyễn Văn	Đôn	Khoa CNTT	48,420,500	27,000,000	10,800,000	1,424,037	9,196,463	459,822		459,822	-	
8	Bùi Văn	Dũng	Khoa CNTT	40,392,000	27,000,000	10,800,000	1,326,780	1,265,220	63,261		63,261	-	
9	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Khoa CNTT	40,492,000	27,000,000	10,800,000	1,326,780	1,365,220	68,262		68,262	-	
10	Trần Việt	Khánh	Khoa CNTT	47,370,500	27,000,000	-	1,437,345	18,933,155	1,143,315		1,143,315	-	
11	Vũ Thị Thái	Linh	Khoa CNTT	53,082,620	27,000,000	10,800,000	1,612,611	13,670,009	683,502		683,502	-	
12	Nguyễn Cao	Phong	Khoa CNTT	44,571,620	27,000,000	10,800,000	1,486,362	5,285,258	264,264		264,264	-	
13	Lê Hồng	Thái	Khoa CNTT	40,792,000	27,000,000	10,800,000	1,326,780	1,665,220	83,262		83,262	-	
14	Nguyễn Thị Khánh	Thư	Khoa CNTT	49,863,520	27,000,000	10,800,000	1,549,550	10,513,970	525,699		525,699	-	
15	Nguyễn Thị	Thùy	Khoa CNTT	43,366,000	27,000,000	-	1,663,635	14,702,365	735,117		735,117	-	
16	Võ Anh	Trang	Khoa CNTT	42,571,620	27,000,000	-	1,513,635	14,057,985	702,900		702,900	-	
17	Lê Phi	Trường	Khoa CNTT	40,092,000	27,000,000	-	1,228,500	11,863,500	593,175		593,175	-	
18	Mai Chiêm	Tuấn	Khoa CNTT	40,092,000	27,000,000	-	1,326,780	11,765,220	588,261		588,261	-	

STT	HỌ TÊN		ĐƠN VỊ	Tổng thu nhập chịu thuế/Quý	Các khoản giảm trừ/ Quý			Thu nhập tính thuế/quý	Số thuế phải nộp/quý	Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q1/2018	Số thuế chênh lệch		Ký Nộp
					Bản thân	Người phụ thuộc	Trừ bảo hiểm bắt buộc				Phải nộp thêm	Được thoái trả	
19	Nguyễn Ngọc	Tuyên	Khoa CNTT	40,732,380	27,000,000	-	1,093,365	12,639,015	631,950		631,950	-	
20	Dương Ngọc	Vọng	Khoa CNTT	55,611,620	27,000,000	10,800,000	1,363,635	16,447,985	894,798		894,798	-	
21	Nguyễn Tiến Việt	Dũng	Khoa CNTT	39,777,831	27,000,000	-	986,895	11,790,936	589,548		589,548	-	
22	Lương Minh	Dũng	Khoa CNTT	40,252,000	27,000,000	-	1,228,500	12,023,500	601,176		601,176	-	
23	Bùi Đăng Hoàng	Tuấn	Khoa CNTT	38,520,490	27,000,000	-	1,021,020	10,499,470	524,973		524,973	-	
TỔNG CỘNG								285,786,355	15,986,010	-	15,986,010	-	

Tổng cộng thuế phải nộp thêm: 15,986,010 đồng
 Bằng chữ: Mười lăm triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn không trăm mười đồng chẵn.

NGƯỜI LẬP BẢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 10 tháng 05 năm 2018
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Thùy

Nguyễn Kinh

Phạm Hữu Lộc